

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 4 KHÓA: 3

NGÀNH: Hóa dược HỆ: Chính quy

NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Tiếng Anh chuyên ngành	HDA0813112	7	7	2	30	30			
2	Công nghệ vi sinh trong SXDP	HDA0323013	7	7	3	33	33	24		24 / (6 tuần)
3	Xây dựng tiêu chuẩn nguyên liệu hóa dược	HDA0208032	7	7	2	30	30			
4	Kỹ thuật pha chế một số chế phẩm hóa mỹ phẩm	HDA0101132	7	7	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
5	Nghiên cứu phát triển thuốc mới 2	HDA0208083	7	7	3	41	41		8	8 / (2 tuần)
6	Các mô hình nghiên cứu liên quan cấu trúc và tác dụng sinh học	HDA0208062	7	7	2	24	24	8	4	12 / (3 tuần)
7	Các môn tự chọn		7	7	2					
	Nghiên cứu khoa học - Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	HDA0703312	7	7	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
	Điện di và điện di mao quản	HDA0611252	7	7	2	24	24	12		12 / (3 tuần)
	Kiểm nghiệm mỹ phẩm	HDA0611162	7	7	2	26	26	8		8 / (2 tuần)
	Marketing Dược	HDA0703062	7	7	2	24	24		12	12 / (3 tuần)
	Mỹ phẩm	HDA0101032	7	7	2	20	20	20		20 / (5 tuần)
Cộng:					16	180	180	48	12	
8	Thực tế	HDA0200023	8	8	3			90		90 / (4 tuần)
9	KLTN/ Học phần tự chọn Tốt nghiệp	HDA0099108	8	8	8	120	120			
	Bào chế công nghiệp 1	HDA0102032	8	8	2	20	20	20		20 / (5 tuần)
	Bào chế công nghiệp 2	HDA0102043	8	8	3	29	29	32		32 / (8 tuần)
	Công nghệ nano và ứng dụng trong sản xuất thuốc	HDA0102072	8	8	2	30	30			
	Công nghệ sản xuất vaccin	HDA0323032	8	8	2	30	30			
	Công nghệ sinh học dược cơ bản	HDA0323042	8	8	2	30	30			
	GMP trong sản xuất nguyên liệu thuốc	HDA0222052	8	8	2	30	30			
	Kiểm nghiệm dược liệu và chế phẩm dược liệu	HDA0406032	8	8	2	16	16	28		28 / (7 tuần)
	Phương pháp nghiên cứu độ ổn định của nguyên liệu hóa dược	HDA0208092	8	8	2	30	30			
Cộng:					11	120	120	90	0	

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Thanh Hải

KE HOẠCH
CƯƠNG DẠY 4

NGÀY
TT.

NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	HDA0812072	5	5	2	21	21		9	9 / (3 tuần)
2	Hoá dược 2	HDA0208133	5	5	3	31	31	20	8	28 / (7 tuần)
3	Dược lý đại cương	HDA0507032	5	5	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
4	Một số quá trình và thiết bị trong CNDP	HDA0222033	5	5	3	45	45			
5	Phương pháp phổ trong xác định cấu trúc hợp chất hữu cơ	HDA0210063	5	5	3	45	45			
6	Các môn tự chọn		5	5	2					
	Nghiên cứu khoa học - Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	HDA0703312	5	5	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
	Dược động học	HDA0507022	5	5	2	18	18	24		24 / (6 tuần)
	Hóa tổ hợp	HDA0210072	5	5	2	26	26		8	8 / (2 tuần)
	Quản lý học đại cương	HDA0703222	5	5	2	22	22		16	16 / (4 tuần)
7	Bào chế	HDA0101143	6	6	3	164	164	36	17	
8	Kiểm nghiệm DP	HDA0611053	6	6	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
9	Kỹ thuật hóa dược	HDA0222023	6	6	3	25	25	40		40 / (10 tuần)
10	Kỹ thuật chiết xuất dược liệu	HDA0222013	6	6	3	33	33	24		24 / (6 tuần)
11	Nghiên cứu phát triển thuốc mới 1	HDA0208072	6	6	2	33	33	24		24 / (6 tuần)
12	Các môn tự chọn		6	6	3	26	26		8	8 / (2 tuần)
	Pháp chế dược	HDA0703272	6	6	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
	Dược học cổ truyền	HDA0404013	6	6	3	31	31	16	12	28 / (7 tuần)
	Dược lý ứng dụng trong điều trị	HDA0507043	6	6	3	35	35	12	8	20 / (5 tuần)
	Hóa học các hợp chất tự nhiên	HDA0406063	6	6	3	45	45			
	Mỹ phẩm	HDA0101032	6	6	2	20	20	20		20 / (5 tuần)
Cộng:					15	148	148	116	8	

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
ĐẠI PHÓ HIỆU TRƯỞNG
DƯỢC HÀ NỘI

Đinh Thị Thanh Hải

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	HDA0812052	3	3	2	22	22		8	8 / (2 tuần)
2	Giáo dục thể chất 3 *	HDA0816031	3	3	1			15		15 / (8 tuần)
3	Hóa hữu cơ 2	HDA0210022	3	3	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
4	Hóa lý dược	HDA0118013	3	3	3	33	33	24		24 / (6 tuần)
5	Hóa phân tích 2	HDA0611033	3	3	3	35	35	20		20 / (5 tuần)
6	Dược liệu 1	HDA0406013	3	3	3	35	35	20		20 / (5 tuần)
7	Các môn tự chọn		3	3	4					
	<i>Giải phẫu sinh lý</i>	<i>HDA0521034</i>	3	3	4	42	42	36		36 / (9 tuần)
	<i>Môi trường</i>	<i>HDA0611292</i>	3	3	2	30	30			
	<i>Vì sinh - Ký sinh trùng 1</i>	<i>HDA0320042</i>	3	3	2	24	24	12		12 / (3 tuần)
Cộng:					17	147	147	95	8	
8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HDA0812092	4	4	2	22	22		8	8 / (2 tuần)
9	Giáo dục quốc phòng an ninh*	HDA0099408	4	4	8	77	77	72	16	88 / (2 tuần)
10	Hoá sinh	HDA0315013	4	4	3	35	35	20		20 / (5 tuần)
11	Hoá dược 1	HDA0208123	4	4	3	31	31	20	8	28 / (7 tuần)
12	Dược liệu 2	HDA0406022	4	4	2	22	22	12	4	16 / (4 tuần)
13	Hóa học các hợp chất cao phân tử	HDA0210052	4	4	2	26	26		8	8 / (2 tuần)
14	Các môn tự chọn		4	4	3					
	<i>Bệnh học</i>	<i>HDA0521104</i>	4	4	4	46	46	12	16	28 / (7 tuần)
	<i>Quản lý học đại cương</i>	<i>HDA0703222</i>	4	4	2	22	22		16	16 / (4 tuần)
	<i>Sinh lý bệnh miễn dịch</i>	<i>HDA0521112</i>	4	4	2	26	26	8		8 / (2 tuần)
	<i>Vì sinh - Ký sinh trùng 2</i>	<i>HDA0320052</i>	4	4	2	26	26	8		8 / (2 tuần)
Cộng:					15	213	213	124	44	

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI
Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 1 KHÓA: 6

NGÀNH: Hóa dược HỆ: Chính quy

NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Triết học Mác Lênin	HDA0812083	1	1	3	33	33		12	12 / (3 tuần)
2	Tiếng Anh 1	HDA0813092	1	1	2	30	30			
3	Giáo dục thể chất 1 *	HDA0816011	1	1	1			15		15 / (8 tuần)
4	Tin học ứng dụng	HDA0819092	1	1	2	14	14	32		32 / (8 tuần)
5	Xác suất thống kê	HDA0819112	1	1	2	30	30			
6	Vật lý ứng dụng	HDA0824072	1	1	2	24	24	12		12 / (3 tuần)
7	Đại cương sinh học phân tử tế bào	HDA0320162	1	1	2	30	30			
8	Pháp luật đại cương	HDA0703282	1	1	2	24	24		12	12 / (3 tuần)
Cộng:						15	185	185	59	24
9	Kinh tế chính trị Mác Lênin	HDA0812062	2	2	2	22	22		8	8 / (2 tuần)
10	Tiếng Anh 2	HDA0813102	2	2	2	30	30			
11	Giáo dục thể chất 2 *	HDA0816021	2	2	1			15		15 / (8 tuần)
12	Hóa đại cương vô cơ	HDA0809063	2	2	3	35	35	20		20 / (5 tuần)
13	Hóa hữu cơ 1	HDA0210013	2	2	3	35	35	20		20 / (5 tuần)
14	Hóa phân tích 1	HDA0611023	2	2	3	35	35	20		20 / (5 tuần)
15	Các môn tự chọn		2	2	2					
	Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm	HDA0703412	2	2	2	24	24		12	12 / (3 tuần)
	Kỹ năng lập kế hoạch, ra quyết định và giải quyết vấn đề	HDA0703422	2	2	2	24	24		12	12 / (3 tuần)
Cộng:						15	157	157	75	8

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC
DƯỢC HÀ NỘI
Đinh Thị Thanh Hải